

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
chia tài sản khi ly hôn, đòi tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trịnh Lê Tr**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn phản tố: Bà **Phan Thị Diễm Tr**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Tr là: Luật sư Lê Văn L – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Trịnh Lê Tr trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông và bà Tr tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MA ngày 28/11/2016. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tình

cảm. Bà Tr không chung thủy, vợ của người đàn ông đó có kêu ông ra nói chuyện. Nay không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông và bà Tr có 02 con chung tên Trịnh Diễm Th, sinh ngày 06/3/2017 và Trịnh Lê Tr, sinh ngày 13/01/2019. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Trịnh Diễm Th, còn bà Tr thì nuôi dưỡng Trịnh Lê Tr, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Công việc hiện tại của ông là bán đồ chơi trẻ em, mỹ phẩm, làm nhạc tại nhà và có đất cho Điện Máy Xanh thuê, cho thuê nhà, thu nhập của ông khoảng gần 40.000.000 đồng/tháng. Về thời gian làm việc của ông rất chủ động nên có thể chăm sóc con. Ông là con út nên ở chung và được mẹ ruột phụ giúp, các anh em của ông đã có gia đình và ra ở riêng hết.

Về tài sản chung: Khi kết hôn, mẹ ông đã cho ông và bà Tr 10 chỉ vàng 24k như bà Tr trình bày. Số vàng này, sau ngày cưới, bà Tr đã đưa lại cho mẹ ông là bà Lê Thị Ng giữ giùm, nhưng khi bà Tr sinh Trịnh Lê Tr thì mẹ ông đã đưa lại cho vợ chồng ông để bán vàng lo việc sinh nở cho bà Tr, tiền trả sữa cho con cái và do dịch bệnh nên ông đã sử dụng hết không còn. Ông bán vàng 1 lần ở tiệm vàng TH tại Long An được khoảng 45.000.000 đồng đến 46.000.000 đồng. Ông không có phiếu bán vàng và do đã quá lâu nên ông cũng không nhớ rõ vì không nghĩ sẽ có ngày như hôm nay. Do đó, ông và bà Tr không có tài sản chung như bà Tr trình bày.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phan Thị Diễm Tr trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Về hôn nhân: Bà thống nhất với ông Tr về thời gian kết hôn, quá trình hôn nhân và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn không như ông Tr trình bày. Bà không có người đàn ông khác, do ông Tr ghen bóng, ghen gió. Bà đã giải thích nhưng ông Tr không nghe. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 10/3/2021 cho đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Tr.

Về con chung:

Bà và ông Tr có 02 con chung tên Trịnh Diễm Th, sinh ngày 06/3/2017 và Trịnh Lê Tr, sinh ngày 13/01/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông Tr phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà làm nghề thẩm mỹ, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng (làm chủ tại nhà) đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay, con chung Trịnh Lê Tr đang sống với bà và học ở thành phố Tân An. Bé Diễm Th học và ở với ông Tr tại xã MA. Lúc nào rảnh rỗi hay nhớ con thì hai bên rước con về chăm sóc. Bà chăm sóc

hai con chung nhiều hơn ông Tr. Vì con còn quá nhỏ nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con.

Về tài sản chung:

Bà và ông Tr có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 kiềng cổ 02 chỉ, 01 dây chuyền vàng 03 chỉ, 02 vòng mỗi chiếc 02 chỉ. Số vàng này vợ chồng bà được mẹ chồng là bà Lê Thị Ng cho khi cưới. Sau đó, bà có đưa lại cho mẹ chồng giữ cho đến nay. Bà Ng nói đã giao lại cho bà và ông Tr là không có. Ông Tr cũng không có nói gì về việc bán vàng với bà. Số vàng 10 chỉ 24k là tài sản bà và ông Tr được cho trong ngày cưới nên là tài sản chung. Bà yêu cầu chia đôi số vàng cưới, bà và ông Tr mỗi người 05 chỉ vàng 24k. Do bà Ng đang giữ vàng nên yêu cầu bà Ng giao lại cho bà 05 chỉ vàng tương đương với số tiền là 25.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ng trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà là mẹ ruột của ông Tr. Ngày cưới của con, bà có cho Trinh và Trung 10 chỉ vàng 24k như Trinh trình bày. Khi Trinh mới được cưới về, bà có giữ vàng nhưng sau đó khi Trinh sinh đứa con thứ 2 và do tình hình sức khỏe của bà nên bà đã cầm vàng trực tiếp giao lại cho Trung và Trinh. Khi bà trả vàng không có ai chứng kiến, chỉ có mẹ con trong nhà thôi. Bà không còn giữ vàng nữa nên không đồng ý trả vàng như bà Tr yêu cầu.

** Luật sư Lê Văn L bảo vệ quyền lợi cho bà Tr phát biểu:*

Về quan hệ hôn nhân bà Tr thống nhất ly hôn với ông Tr. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng vì các con chung của bà Tr, ông Tr là cháu Diễm Th, Lê Trí còn nhỏ cần sự chăm sóc của bà Tr và nếu tách 2 đứa bé ra sinh sống 2 nơi sẽ làm cho tình cảm của chị em không gắn bó.

Về tài sản chung: Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà Tr giao số vàng 10 chỉ 24kr cho bà Ng được các bên thừa nhận nên bà Tr không phải chứng minh. Về việc bà Ng trả lại vàng cho bà Tr, ông Tr thì bà Ng, ông Tr không có tài liệu, chứng cứ hay nhân chứng và ông Tr không chứng minh được đã bán số vàng để chăm lo cho gia đình. Bà Tr không thừa nhận nên có cơ sở xác định số tài sản chung của ông Tr, bà Tr vẫn còn và bà Ng hiện giữ số vàng này.

Do đây là số vàng chung của ông Tr và bà Tr nên bà Tr yêu cầu bà Ng trả lại là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Tr yêu cầu chia đôi 10

chỉ vàng 24kr và nhận bằng tiền là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nợ chung: bà Tr và ông Tr không có nợ chung.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Tr được ly hôn với bà Tr. Về con chung Trịnh Diễm Th, sinh ngày 06/3/2017 và Trịnh Lê Tr, sinh ngày 13/01/2019 giao cho bà Tr nuôi dưỡng do hai con chung còn nhỏ. Ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Yêu cầu của bà Tr là có căn cứ chấp nhận, do không ai chứng kiến bà Ng giao vàng lại cho vợ chồng bà Tr. Bà Tr không thừa nhận nên tài sản chung của ông Tr và bà Tr là 10 chỉ vàng 24kr. Ông Tr và bà Tr được chia mỗi người 5 chỉ 24kr.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Ông Trịnh Lê Tr nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Diễm Tr. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà Tr tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MA, huyện X, tỉnh Long An. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Tr và bà Tr là về tình cảm. Ông Tr và bà Tr xác định không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này nên thống nhất ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của ông Tr và bà Tr là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Ông Tr kiên quyết xin ly hôn với bà Tr vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Bà Tr không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn cuộc hôn nhân và đồng ý ly hôn thể hiện hai bên không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Tr và bà Tr.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông Tr và bà Tr có 02 con chung tên Trịnh Diễm Th, sinh ngày 06/3/2017 và Trịnh Lê Tr, sinh ngày 13/01/2019. Khi ly hôn, ông Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Diễm Th, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con. Ông nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Lê Tr cho bà Tr. Bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con và ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/1 con.

Xét thấy, ông Tr và bà Tr có công việc ổn định, có thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, bé Trịnh Lê Tr hiện đang sống với bà Tr còn bé Trịnh Diễm Th đang sống với ông Tr. Hai bên vẫn thường xuyên thực hiện việc đưa rước, thăm, chăm sóc con chung. Hiện nay, các con của ông Tr và bà Tr vẫn phát triển bình thường, nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ, nên yêu cầu của ông Tr là có cơ sở chấp nhận. Giao ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng bé Trịnh Diễm Th. Giao cho bà Tr được trực tiếp nuôi dưỡng bé Trịnh Lê Tr.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Tr không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi bé Trịnh Diễm Th do đó bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tr yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi bé Trịnh Lê Tr mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản của Nhà nước tương đương số tiền 750.000 đồng/tháng. Do đó, buộc ông Tr phải cấp dưỡng nuôi bé Trịnh Lê Tr mỗi tháng 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7/2021 cho đến khi Trịnh Lê Tr đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Ông Tr, bà Tr xác định có 10 chỉ vàng 24kr gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 kiềng cổ 02 chỉ, 01 dây chuyền vàng 03 chỉ, 02 vòng mỗi chiếc 02 chỉ mà bà Tr yêu cầu chia là được bà Ng (mẹ ông Tr) cho trong ngày cưới. Bà Ng thừa nhận là sau khi cưới thì bà Tr có đưa cho bà giữ giữ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận sự việc.....mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có cơ sở xác định ông Tr và bà Tr có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24kr và đã giao cho bà Ng giữ.

Ông Tr, bà Ng cho rằng khi bà Tr sinh đứa con thứ 2 thì bà Ng đã giao vàng lại cho 2 vợ chồng ông Tr, bà Tr và ông Tr đã bán vàng để chăm lo cho gia đình. Xét thấy, việc bà Ng đã giao vàng lại cho ông Tr và bà Tr và việc ông Tr bán vàng chỉ là lời nói miệng, không người làm chứng, không tài liệu chứng minh và bà Tr không thừa nhận, nên bà Tr yêu cầu bà Ng trả lại vàng là có căn cứ chấp nhận.

Do đây là tài sản chung của ông Tr và bà Tr nên mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ là 05 chỉ vàng 24kr. Bà Tr yêu cầu được quy đổi thành tiền là 25.000.000 đồng. Tại thời điểm xét xử, giá vàng 24kr là 53.800.000 đồng/10 chỉ. Bà Tr được nhận 05 chỉ vàng 24kr quy thành tiền tương đương 26.900.000 đồng. Tuy nhiên, bà Tr chỉ yêu cầu được nhận số tiền là 25.000.000 đồng nên được ghi nhận. Buộc bà Ng trả cho bà Tr 25.000.000 đồng. Ông Tr không yêu cầu bà Ng trả lại 05 chỉ vàng nên Tòa án không xem xét nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự không khai có nợ chung và không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng ông Tr, bà Tr nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông Tr và yêu cầu phản tố của bà Tr là có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Trịnh Lê Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, 1.345.000 đồng án phí chia tài sản (05 chỉ vàng 24kr).

Bà Phan Thị Diễm Tr phải chịu 1.250.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn.

Bà Lê Thị Ng phải chịu 1.250.000 đồng án phí do yêu cầu đòi tài sản của bà Tr được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 29, 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 166 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Lê Tr về việc ly hôn, nuôi con chung đối với bà Phan Thị Diễm Tr.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Diễm Tr về việc nuôi con chung, đòi tài sản và chia tài sản chung khi ly hôn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Lê Tr được ly hôn với bà Phan Thị Diễm Tr.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung tên Trịnh Diễm Th, sinh ngày 06/3/2017 cho ông Trịnh Lê Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Phan Thị Diễm Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Trịnh Lê Tr không yêu cầu.

Giao 01 con chung tên Trịnh Lê Tr, sinh ngày 13/01/2019 cho bà Phan Thị Diễm Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trịnh Lê Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7/2021 cho đến khi Trịnh Lê Tr đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung:

Xác định tài sản chung của ông Trịnh Lê Tr và bà Phan Thị Diễm Tr là 10 chỉ vàng 24kr.

Ông Trịnh Lê Tr được chia 05 chỉ vàng 24kr. (Do bà Lê Thị Ng đang giữ).

Bà Phan Thị Diễm Tr được chia 05 chỉ vàng 24kr nhưng nhận bằng giá trị với số tiền là 25.000.000 đồng. Do đó, buộc bà Lê Thị Ng giao lại cho bà Phan Thị Diễm Tr số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí: Ông Trịnh Lê Tr phải chịu 1.945.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007779, ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Ông Trịnh Lê Tr phải nộp thêm 1.645.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

Bà Phan Thị Diễm Tr phải chịu 1.250.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 1.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007804, ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Phan Thị Diễm Tr được hoàn lại 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Bà Lê Thị Ng phải chịu 1.250.000 đồng án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã MA;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nhị – Nguyễn Thị Dạ Thảo

Lê Thị Mỹ Phượng